

KẾT LUẬN
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TU, ngày 01/9/2021
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp tỉnh Lạng Sơn
giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

1. Sau 05 năm thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TU, nhận thức về vai trò, trách nhiệm và công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, cùng với sự nỗ lực triển khai của các cấp, các ngành và cộng đồng doanh nghiệp trong tổ chức thực hiện, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã chuyển biến rõ nét. Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, xanh, an toàn và hiện đại, đưa công nghiệp trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế chung của tỉnh, hình thành một số cơ sở sản xuất sản phẩm công nghiệp có chất lượng ổn định, bước đầu có thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước; giải quyết việc làm cho nhiều lao động, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, tăng thu ngân sách nhà nước, tích cực góp phần giữ vững ổn định hệ thống chính trị, trật tự an toàn xã hội. Công nghiệp từng bước trở thành ngành kinh tế quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TU còn một số hạn chế như: Công tác tổ chức quán triệt, tuyên truyền phổ biến Nghị quyết số 45-NQ/TU và các chính sách về phát triển công nghiệp ở một số cấp ủy đảng, chính quyền nhất là cấp cơ sở chưa thực sự quyết liệt, chủ động trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện; năng lực của cán bộ cơ sở, nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế cũng ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng triển khai Nghị quyết. Đầu tư phát triển công nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nội lực còn yếu, thiếu tính bền vững; công tác xúc tiến đầu tư chưa phát huy được hiệu quả, chưa tận dụng được tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; còn nhiều cơ sở sản xuất gặp khó khăn về nguyên liệu, vốn, thị trường tiêu thụ. Hiệu quả hoạt động doanh nghiệp còn thấp, đa số là doanh nghiệp nhỏ và vừa, năng lực cạnh tranh thấp, sản xuất công nghiệp vẫn tập trung ở khâu gia công, lắp ráp, chế biến thô là chính, năng suất lao động còn thấp, chưa có ngành công nghiệp mũi nhọn thực sự đóng vai trò dẫn dắt đủ sức cạnh tranh trên thị trường; việc đầu tư đổi mới công nghệ và ứng dụng khoa học công nghệ mới, hiện đại vào sản xuất còn hạn chế, số doanh nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến, ứng dụng công nghệ cao chưa nhiều.

2. Để tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 45-NQ/TU, đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp của tỉnh trong giai đoạn mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị tập trung thực hiện một số nội dung sau:

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Phấn đấu đến năm 2030, Lạng Sơn cơ bản trở thành tỉnh phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại; ngành công nghiệp trở thành ngành kinh tế quan trọng, là động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế chung toàn tỉnh.

Phát triển công nghiệp theo hướng công nghệ cao, công nghiệp sạch, an toàn, thân thiện với môi trường. Khuyến khích phát triển công nghiệp vừa và nhỏ để tận dụng nguồn nguyên liệu, nhân công tại chỗ; chú trọng phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, gia công, tái chế và sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng trong sản xuất công nghiệp.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp, nhất là đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, hạ tầng điện có trong quy hoạch và ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2026 - 2030

+ Tốc độ tăng thêm bình quân giá trị ngành công nghiệp đạt từ 12-14%/năm; tỷ trọng ngành công nghiệp trong tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 18-19% vào năm 2030.

+ Tiếp tục thu hút đầu tư xây dựng hoàn thành các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được quy hoạch trên địa bàn tỉnh, trong đó phấn đấu đến năm 2030 có từ 4-5 khu công nghiệp, 10-12 cụm công nghiệp đi vào hoạt động, tỷ lệ lấp đầy mỗi cụm cơ bản đạt trên 50%.

+ Hoàn thành đưa vào hoạt động đối với các dự án đã chấp thuận nhà đầu tư (dự án Nhiệt điện Na Dương 2, dự án Thủy điện Bắc Giang (Vàng Puộc), dự án Thủy điện Đèo Khách, dự án Thủy điện Tràng Định 2); tiếp tục thu hút đầu tư các dự án năng lượng mới, năng lượng tái tạo trên địa bàn các xã, phường của tỉnh¹, trong đó phấn đấu đến 2030, hoàn thành phát điện khoảng 66,3% công suất, tương ứng với tổng công suất các nguồn điện năng lượng tái tạo là 1.059 MW/1.598 MW đối với 21 danh mục dự án nguồn điện năng lượng tái tạo, dự kiến: Điện gió 905MW/14 dự án, điện sinh khối 43MW/02 dự án, điện rác 11MW/01 dự án, điện mặt trời tập trung 100MW/04 dự án.

2.2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.2.1. Tiếp tục tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 45-NQ/TU và nội dung Kết luận này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện.

2.2.2. Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ các xã, phường phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, chú trọng bảo tồn và phát triển các nghề, làng nghề truyền thống, phát triển làng nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp và công

¹ Đình Lập, Châu Sơn, Kiên Mộc, Lộc Bình, Na Dương, Xuân Dương, Mẫu Sơn, Khuất Xá, Lợi Bắc, Thống Nhất, Chiến Thắng, Công Sơn, Cao Lộc, Đồng Đăng, phường Kỳ Lừa, Khánh Khê, Tân Đoàn, Yên Phúc, Hồng Phong, Hội Hoan, Thụy Hùng, Na Sầm, Hoàng Văn Thụ, Vũ Lễ và phường Kỳ Lừa.

tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

2.2.3. Tăng cường và cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các dự án công nghiệp có quy mô, công nghệ tiên tiến và giá trị gia tăng cao. Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm tính minh bạch, đồng bộ và môi trường thông thoáng, ổn định, lâu dài.

2.2.4. Rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển công nghiệp môi trường tại địa phương, ưu tiên phát triển nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến nông, lâm sản và thực phẩm gắn với vùng nguyên liệu; ưu tiên sử dụng kinh phí khuyến công hỗ trợ phát triển sản xuất chế biến nông lâm sản, thực phẩm. Có chính sách ưu tiên phát triển các doanh nghiệp lớn, các doanh nghiệp tham gia sâu vào các chuỗi giá trị, chuỗi liên kết sản xuất trên địa bàn tỉnh; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghiệp, chú trọng đến các đối tượng thuộc địa bàn khu vực nông thôn thông qua các chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, chương trình khuyến công quốc gia và địa phương. Đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử, năng lượng tái tạo, có cam kết chuyển giao công nghệ, liên doanh, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp, hợp tác xã trong và ngoài tỉnh.

2.2.5. Tập trung rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm bố trí quỹ đất hợp lý, đủ lớn để quy hoạch và phát triển các khu, cụm công nghiệp. Điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp phù hợp với yêu cầu cơ cấu lại ngành công nghiệp và phát triển các ngành kinh tế theo hướng tập trung, không dàn đều theo địa giới hành chính, trước hết ưu tiên lựa chọn phát triển tại các vùng, địa phương đã bước đầu hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp hoặc có lợi thế về giao thông, địa kinh tế, tài nguyên, lao động, logistics, có khả năng trở thành động lực tăng trưởng như các xã khu vực Hữu Lũng, Chi Lăng, Lộc Bình, Đình Lập, Văn Lãng và phường Kỳ Lừa, Lương Văn Tri.

2.2.6. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN VSIP Lạng Sơn, các CCN đã được thành lập (*Đình Lập, Hồ Sơn 1, Bắc Sơn 2, Hòa Sơn 1...*) và thu hút đầu tư các CCN đã có trong quy hoạch, nhất là các CCN đã có nhà đầu tư quan tâm. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Nhà máy nhiệt điện Na Dương giai đoạn 2 công suất 110 MW; đôn đốc nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án Thủy điện Bắc Giang (*Vằng Puộc*); thực hiện đầu tư các nhà máy thủy điện nhỏ thuộc bậc thang sông Kỳ Cùng (*thủy điện Đèo Khách, Tràng Định 2,...*), tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp về giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi, thu hút đầu tư phát triển điện gió ở những nơi đủ điều kiện; khẩn trương thực hiện các thủ tục lựa chọn nhà đầu tư đối với các danh mục dự án điện gió (*Nhà máy điện gió Đình Lập 1; Nhà máy điện gió Đình Lập 1.1; Nhà máy điện gió Đình Lập 4 và Nhà máy điện gió Thặng Long ...*), kiến nghị cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế chính sách đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương, nhằm giải quyết, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các danh mục dự án/công trình điện lực đảm bảo tiến độ theo Quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2.7. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư vào một số ngành công nghiệp có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, như chế biến nông lâm sản, thực phẩm, năng lượng tái tạo, gia công, chế biến gắn với hoạt động xuất, nhập khẩu, có khả năng tham gia sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị, có tác động lan tỏa cao đến các ngành kinh tế khác; ưu tiên phát triển ở các khâu ứng dụng công nghệ cao, mới, sạch, tiết kiệm tạo ra giá trị gia tăng cao gắn với các quy trình sản xuất thông minh, tự động hóa. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng chuyển giao những thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, ứng dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến, quản lý, kiểm soát chặt chẽ thiết bị công nghệ công nghiệp đảm bảo chất lượng, hiệu quả; nâng cao năng lực thẩm định công nghệ để lựa chọn công nghệ mới, hiện đại, thân thiện với môi trường, tiết kiệm tài nguyên, nguyên liệu, năng lượng; hạn chế, tiến tới loại bỏ các công nghệ cũ, lạc hậu có nguy cơ gây ô nhiễm, tác động lớn, tiêu cực đến môi trường, ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng và tiêu hao nhiều năng lượng.

2.2.8. Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng thương hiệu sản phẩm công nghiệp; tăng cường liên kết vùng; kết nối chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm công nghiệp.

2.2.9. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là lao động kỹ thuật đáp ứng yêu cầu sản xuất công nghiệp trong bối cảnh mới; đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu cho phát triển công nghiệp.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị tiếp tục tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 45-NQ/TU và nội dung Kết luận này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện.

3.2. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo, thực hiện tốt công tác phổ biến, tuyên truyền thực hiện Kết luận này.

3.3. Đảng uỷ Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể để triển khai thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Kết luận này; chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ và cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện, đánh giá tình hình triển khai hàng năm và định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh uỷ,
- Các cơ quan CT TM, GV Tỉnh uỷ,
- Các đảng uỷ trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Đoàn Thị Hậu